

Bản án số: 50/2022/KDTM- PT.

Ngày 08/4/2022.

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Xuân Tuấn và bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu H...ên- Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: bà Nguyễn Thị Hoa- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/3/2022 và 08/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý 01/2022/KTPT ngày 17/01/2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 74/2021/KDTM- ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXX - PT ngày 22/2/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 39/2022/QĐPT- HPT ngày 23/3/2022 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 84/2022/TB- TA ngày 01/4/2022, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần**

Trụ sở: đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S- Tổng Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoàng L- Giám đốc Chi nhánh Thăng L..., Người đại diện theo ủy quyền lại ông Bùi Tiến D và ông Nguyễn Việt T (Giấy ủy quyền số 705/2020/UQ ngày 04/9/2020). Ông D có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Công ty cổ phần đầu tư và phát triển**

Trụ sở: phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật, ông Nguyễn Trọng H Chủ tịch hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền ông Mai Thanh P (Giấy ủy quyền số 01/2020/MN ngày 26/11/2020, địa chỉ liên hệ số phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội). Ông P có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Tuấn L** sinh năm 1991, địa chỉ, phường Hàng Bài, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Ngọc N (Biên bản xác nhận ủy quyền ngày 24/12/2020).

2. Bà **Nguyễn Ngọc N** sinh năm 1959, địa chỉ xã Vĩnh Ngọc, H...ên Đông Anh, TP Hà Nội. Bà N có mặt tại phiên tòa.

3. Ông **Nguyễn Đức Á** sinh năm 1936 và bà **Đoàn Thị L**, sinh năm 1940 (đã chết), địa chỉ phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội và nơi cư trú thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Người đại diện theo ủy quyền: anh **Nguyễn Đức H** (Giấy ủy quyền ngày 26/11/2020). Anh H có mặt tại phiên tòa lần 1, vắng mặt tại phiên tòa lần 2.

4. Ông **Nguyễn Trọng H** sinh năm 1969 và bà **Đỗ Lan Hg** sinh năm 1971, anh **Nguyễn Đức H** sinh năm 1996, anh **Nguyễn Hữu H** sinh năm 2001 cùng trú tại địa chỉ Minh Khai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của bà **Đỗ Lan H**, ông **Nguyễn Trọng H** là anh **Nguyễn Đức H** (Biên bản xác nhận ủy quyền ngày 18/6/2021 và Giấy ủy quyền ngày 07/5/2021). Anh H có mặt tại phiên tòa lần 1, vắng mặt tại phiên tòa lần 2.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đoàn Thị L**, ông **Nguyễn Đức Á** sinh năm 1936, ông **Đoàn Minh C** sinh năm 1963, ông **Nguyễn Minh Đ** sinh năm 1967, ông **Nguyễn Trọng H** sinh năm 1969, bà **Nguyễn Thị Minh H** sinh năm 1972. Người đại diện theo ủy quyền của ông C, ông Đ, ông H, bà H là anh **Nguyễn Đức H** (Giấy ủy quyền ngày 07/5/2021). Anh H có mặt tại phiên tòa lần 1, vắng mặt tại phiên tòa lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần trình bày:

Ngày 16/6/2011, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển (sau đây gọi tắt là bị đơn) và Ngân hàng thương mại cổ phần- Chi nhánh Thăng L... (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số M11011010/HĐHMTD-..... (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số M11011010) với nội dung hạn mức tín dụng chung là 12.500.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng Khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn tổng số tiền là 9.300.000.000 đồng thông qua 07 Khế ước nhận nợ, cụ thể:

- Khế ước nhận nợ số M11011010/KU08 ngày 09/02/2012, số tiền đã nhận nợ 9.300.000.000 đồng, số tiền nhận nợ lần này 300.000.000 đồng, tổng dư nợ sau khi nhận nợ lần này 9.600.000.000 đồng. Lãi suất 21,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm lãi suất trong hạn, thời hạn vay 06 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay thanh toán tiền mua than cốc theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/2012/HĐKT KS-MN ngày 03/02/2012 và hóa đơn GTGT số 0000006 ngày 06/02/2012 cho Công ty TNHH TM Công nghiệp

- Khế ước nhận nợ số M11011010/KU09 ngày 27/3/2012, số tiền đã nhận nợ 8.200.000.000 đồng, số tiền nhận nợ lần này 1.400.000.000 đồng, tổng dư nợ sau khi

nhận nợ lần này 9.600.000.000 đồng. Lãi suất 19%/năm, lãi suất quá hạn 150%/ năm lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 06 tháng, mục đích sử dụng tiền vay thanh toán tiền mua quặng theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 09/2012/KS-MN ngày 15/3/2012 và hóa đơn GTGT số 0000018 ngày 20/3/2012 cho Công ty TNHH TM Công nghiệp

- Khế ước nhận nợ số M11011010/KU10 ngày 29/3/2012, số tiền đã nhận nợ 8.000.000.000 đồng, số tiền nhận nợ lần này 1.600.000.000 đồng, tổng dư nợ sau khi nhận nợ lần này 9.600.000.000 đồng. Lãi suất 19%/năm, lãi suất quá hạn 150%/ năm lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 06 tháng, mục đích sử dụng tiền vay thanh toán tiền mua than cốc theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 09/2012/KS-MN ngày 15/3/2012 và hóa đơn GTGT số 0000018 ngày 20/3/2012 cho Công ty TNHH TM Công nghiệp

- Khế ước nhận nợ số M11011010/KU11 ngày 26/4/2012, số tiền đã nhận nợ: 7.600.000.000 đồng, số tiền nhận nợ lần này 2.000.000.000 đồng, tổng dư nợ sau khi nhận nợ lần này 9.600.000.000 đồng. Lãi suất 18%/năm, lãi suất quá hạn 150%/ năm lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 06 tháng, mục đích sử dụng tiền vay thanh toán tiền mua quặng MaN...n theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 12/2012/KS-MN ngày 20/4/2012 và hóa đơn GTGT số 0000019 ngày 21/4/2012 cho Công ty TNHH TM Công nghiệp

- Khế ước nhận nợ số M11011010/KU12 ngày 31/05/2012, số tiền đã nhận nợ 8.100.000.000 đồng, số tiền nhận nợ lần này 1.400.000.000 đồng, tổng dư nợ sau khi nhận nợ lần này 9.500.000.000 đồng. Lãi suất 17%/năm, lãi suất quá hạn 150%/ năm lãi suất trong hạn, thời hạn vay 06 tháng, mục đích sử dụng tiền vay thanh toán tiền mua quặng MaN...n theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 16/2012/KS-MN ngày 05/05/2012 và hóa đơn GTGT số 0000026 ngày 25/05/2012 cho Công ty TNHH TM Công nghiệp

- Khế ước nhận nợ số M11011010/KU13 ngày 01/6/2012, số tiền đã nhận nợ 8.100.000.000 đồng, số tiền nhận nợ lần này 1.300.000.000 đồng, tổng dư nợ sau khi nhận nợ lần này 9.400.000.000 đồng. Lãi suất 17%/năm, lãi suất quá hạn 150%/ năm lãi suất trong hạn, thời hạn vay 06 tháng, mục đích sử dụng tiền vay thanh toán tiền mua quặng MaN...n theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 16/2012/KS-MN ngày 05/5/2012 và hóa đơn GTGT số 0000026 ngày 25/5/2012 cho Công ty TNHH TM Công nghiệp

- Khế ước nhận nợ số M11011010/KU14 ngày 02/6/2012, số tiền đã nhận nợ: 8.000.000.000 đồng, số tiền nhận nợ lần này 1.300.000.000 đồng, tổng dư nợ sau khi nhận nợ lần này 9.300.000.000 đồng. Lãi suất 17%/năm, lãi suất quá hạn 150%/ năm lãi suất trong hạn, thời hạn vay 06 tháng, mục đích sử dụng tiền vay thanh toán tiền mua quặng MaN...n theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 16/2012/KS-MN ngày 05/5/2012, phụ lục Hợp đồng số 02/2012/PL- HĐKT ngày 01/6/2012 và hóa đơn GTGT số 0000026 ngày 25/5/2012 cho Công ty TNHH TM Công nghiệp

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng hạn mức tín dụng là:

- Tài sản 1: toàn bộ quyền sử dụng 180 m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất tại địa chỉ: xã Vĩnh Ngọc, H...ệ Đông Anh, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:/1446/QĐUB do UBND H...ệ Đông Anh, TP Hà Nội cấp ngày 20/08/2007, đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Tuấn L tại Văn phòng đăng ký Đất và Nhà H...ệ Đông Anh, TP Hà Nội ngày 04/9/2009. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số công chứng 3411.11, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/4/2011 tại Phòng công chứng số 1, TP Hà Nội và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 27/4/2011.

- Tài sản 2: toàn bộ quyền sử dụng 50,76 m² đất ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất tại địa chỉ Minh Khai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 05, Hồ sơ gốc số 2413.QĐ.UB/211.ĐC.98 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 09/6/1999 cho ông Nguyễn Đức Á và vợ là bà Đoàn Thị L. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số công chứng 4682.11, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/05/2011 tại Phòng công chứng số 1, TP Hà Nội và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 01/6/2011.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng hạn mức tín dụng trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn, khoản vay bị đơn đã cH...ển sang nợ quá hạn từ tháng 8 năm 2012.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 552.359.208 đồng.

Tạm tính đến ngày 22/10/2021, tổng dư nợ của khoản vay bị đơn tại nguyên đơn là 24.702.481.323 đồng cụ thể: Nợ gốc 7.820.627.000 đồng, lãi trong hạn 278.180.555 đồng, lãi quá hạn 16.603.673.768 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ N...y cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số M11011010 với tổng số tiền tính đến ngày 22/10/2021 là 24.702.481.323 đồng cụ thể nợ gốc 7.820.627.000 đồng, lãi trong hạn 278.180.555 đồng, lãi quá hạn 16.603.673.768 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bị đơn phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định trong Hợp đồng hạn mức tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

N...y sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ và bên thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo Hợp đồng hạn mức tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký thì nguyên đơn được

quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên bị đơn có nghĩa vụ trả hết nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thay mặt Công ty tôi xác nhận ngày 16/06/2011 bị đơn và nguyên đơn ký Hợp đồng tín dụng số M11011010 với số tiền là 12.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Sau khi ký Hợp đồng hạn mức tín dụng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn tổng số tiền 9.300.000.000 đồng thông qua 07 khế ước nhận nợ đúng như nguyên đơn trình bày.

Tài sản bảo đảm cho hợp đồng hạn mức tín dụng là:

- Tài sản 1: toàn bộ quyền sử dụng 180 m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất tại địa chỉ, xã Vĩnh Ngọc, H...ện Đông Anh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 88, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 59/1446/QĐUB do UBND H...ện Đông Anh, TP Hà Nội cấp ngày 20/08/2007.

- Tài sản 2: toàn bộ quyền sử dụng 50,76 m² đất ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất tại địa chỉ phố Minh Khai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số, hồ sơ gốc số 2413.QĐ.UB/211.ĐC.98 do UBND TP cấp ngày 09/06/1999 cho ông Nguyễn Đức Á và vợ là bà Đoàn Thị L

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn, khoản vay bị đơn đã ch...ển sang nợ quá hạn từ tháng 8/2012.

Bị đơn xác nhận tạm tính đến ngày 22/10/2021, tổng dư nợ của khoản vay bị đơn tại nguyên đơn là 24.702.481.323 đồng cụ thể nợ gốc 7.820.627.000 đồng, lãi trong hạn 278.180.555 đồng, lãi quá hạn 16.603.673.768 đồng.

Do hiện nay bị đơn gặp khó khăn về tài chính, đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ dần và miễn giảm một phần lãi cho bị đơn.

Trong trường hợp kê biên phát mại tài sản đảm bảo tại địa chỉ xã Vĩnh Ngọc, H...ện Đông Anh, TP Hà Nội. Anh Nguyễn Tuấn L chỉ phải trả số nợ gốc mà tài sản của anh L... đảm bảo cho bị đơn tại thời điểm hiện tại và bị đơn sẽ có trách nhiệm trả phần nợ lãi phát sinh mà tài sản của anh L đảm bảo cho khoản vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đức Á, bà Đoàn Thị L (đã chết) do người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Đức H trình bày:

Thay mặt ông Á, bà L tôi xác nhận ông bà có ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 4682.11, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/05/2011 tại văn phòng công chứng số 1, TP Hà Nội là toàn bộ quyền sử dụng 50,76 m² đất ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất tại địa chỉ phố Minh Khai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 05, Hồ sơ gốc số 2413.QĐ.UB/211.ĐC.98 do UNND TP Hà Nội cấp ngày 09/06/1999, để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn theo đúng hợp đồng thế chấp.

Đúng ra nguyên đơn phải N...y lập tức thông báo cho chủ tài sản đảm bảo là ông Á, bà Lâm trả nợ thay cho bị đơn, thì sẽ không dẫn đến việc kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng tới tài sản thế chấp của ông Á, bà L. Anh cũng xác nhận, ông Á, bà L cũng có lỗi trong việc không sát sao đối với tài sản thế chấp dẫn đến việc nợ quá hạn kéo dài nhiều năm. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh đề nghị bị đơn trả nợ cho nguyên đơn và trả lại tài sản cho gia đình anh. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ, anh chỉ đồng ý tài sản của ông Á, bà L đảm bảo cho số tiền vay tối đa theo Hợp đồng thế chấp là 4.244.982.000 đồng, trả 01 tháng tiền lãi và đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ lãi cho bị đơn.

- Ông Nguyễn Trọng H, bà Đỗ Lan H, anh Nguyễn Đức H thống nhất trình bày:

Chúng tôi thống nhất đối với trình bày của bị đơn. Hiện nay bị đơn đang gặp khó khăn. Chúng tôi đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ dần cho nguyên đơn và miễn giảm lãi cho bị đơn.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L gồm: ông Nguyễn Đức Á, ông Đoàn Minh C, ông Nguyễn Minh Đ, ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thị Minh H, đều do người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Đức H trình bày:

Tôi thống nhất với trình bày của bị đơn. Hiện nay bị đơn đang gặp khó khăn, đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ dần.

Đối với di sản thừa kế của mẹ chúng tôi bà Đoàn Thị L để lại là quyền sử dụng 50,76 m² đất ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số ... tại địa chỉ ... phố Minh Khai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Bố mẹ chúng tôi đã ký thế chấp cho nguyên đơn để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn, chúng tôi không có ý kiến gì và chúng tôi cũng không có công sức đóng góp đối với tài sản trên. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Tuấn L là bà Nguyễn Ngọc N trình bày:

Thay mặt anh Nguyễn Tuấn L bà N xác nhận anh L có ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 4682.11, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/05/2011 tại Văn phòng công chứng số 1, TP Hà Nội, tài sản thế chấp là quyền sử dụng 180 m² đất và

tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số tại địa chỉ xã Vĩnh Ngọc, H...ện Đông Anh, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 88, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 59/1446/QĐUB do UBND H...ện Đông Anh, TP Hà Nội cấp ngày 20/08/2007, đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Tuấn L tại Văn phòng đăng ký Đất và Nhà H...ện Đông Anh, TP Hà Nội ngày 04/09/2009. Để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn theo đúng Hợp đồng thế chấp.

Bà N cho rằng N...y khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, tại thời điểm đó, đáng lẽ nguyên đơn phải N...y lập tức thông báo cho chủ tài sản đảm bảo là anh L trả nợ thay cho bị đơn, thì sẽ không dẫn đến việc kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng tới tài sản thế chấp của anh L. Bà N xác nhận, anh L cũng có lỗi trong việc không xáo trộn đối với tài sản thế chấp dẫn đến việc nợ quá hạn kéo dài nhiều năm. Bà N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị bị đơn trả nợ cho nguyên đơn và trả lại tài sản cho anh L. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ, bà chỉ đồng ý tài sản của anh L đảm bảo cho số tiền vay tối đa theo hợp đồng thế chấp là 4.536.000.000 đồng và trả 01 tháng tiền lãi, đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ lãi cho bị đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 74/2021/KDTM- ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn trả nguyên đơn tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số M11011010 ngày 16/6/2011 và các Khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến ngày 22/10/2021 tổng số tiền là 24.702.481.323 đồng, cụ thể nợ gốc 7.820.627.000 đồng, lãi trong hạn 278.180.555 đồng và lãi quá hạn 16.603.673.768 đồng.

Kể từ ngày 23/10/2021, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại theo Hợp đồng tín dụng số M11011010 ngày 16/06/2011 và các Khế ước nhận nợ.

Trường hợp Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn cho vay.

2. Trường hợp bị đơn không trả được nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng 180 m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số tại địa chỉ xã Vĩnh Ngọc, H...ện Đông Anh, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 88, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 59/1446/QĐUB do UBND H...ện Đông Anh, TP Hà Nội cấp ngày 20/08/2007, đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Tuấn L... tại Văn phòng đăng ký Đất và Nhà H...ện

Đông Anh, TP Hà Nội ngày 04/09/2009 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số công chứng 3411.11, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/04/2011 tại Phòng công chứng số 1, TP Hà Nội.

- Quyền sử dụng 50,76 m² đất ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số tại địa chỉ Minh Khai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0.....05, Hồ sơ gốc số 2413.QĐ.UB/211.ĐC.98 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 09/06/1999 cho ông Nguyễn Đức Á và vợ là bà Đoàn Thị L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số công chứng 4682.11, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/05/2011 tại Phòng công chứng số 1, TP Hà Nội.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong Hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư nguyên đơn phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi phạt là 552.359.208 đồng do nguyên đơn rút một phần yêu cầu;

Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tuấn L do anh L rút yêu cầu độc lập.

4. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đoàn Thị L không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc N và anh Nguyễn Đức H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 74/2021/KDTM- ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các nội dung sau:

1. Bà Nguyễn Ngọc N kháng cáo điểm 1 mục 2 của Bản án sơ thẩm với lý do bên bảo lãnh chỉ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo đảm số tiền nợ gốc của bị đơn với nguyên đơn tối đa là 4.536.000.000 đồng với lý do là tại thời điểm bên được bảo lãnh vi phạm Hợp đồng tín dụng không thanh toán cho nguyên đơn, nguyên đơn đã không thông báo và yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ N...y tại thời điểm đó dẫn đến lãi suất tính trên khoản vay tăng rất cao, khoản này phải do bị đơn chịu trách nhiệm trực tiếp với nguyên đơn.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác bỏ điểm 1 mục 2 của Bản án và xác lập số tiền tối đa bên bảo lãnh Hợp đồng tín dụng bằng tài sản bảo đảm là thửa đất số tại địa chỉ, xã Vĩnh Ngọc, H...ận Đông Anh, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 88, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 59/1446/QĐUB do UBND H...ận Đông Anh cấp ngày 20/8/2007 đã đăng

ký sang tên cho ông Nguyễn Tuấn L với số tiền tối đa 4.596.000.000 đồng.

2. Anh Nguyễn Đức H kháng cáo điểm 2 mục 2 của Bản án sơ thẩm với lý do là bên bảo lãnh chỉ phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo đảm số tiền nợ gốc của bị đơn với nguyên đơn tối đa là 3.284.627.000 đồng với lý do tại thời điểm bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, nhưng nguyên đơn không thông báo và yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện N...y nghĩa vụ tại thời điểm đó dẫn đến lãi suất tính trên khoản vay tăng rất cao và khoản này phải do bị đơn chịu trách nhiệm trực tiếp với nguyên đơn.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác bỏ điểm 2 điều 2 của Bản án và xác lập lại số tiền tối đa của bên bảo lãnh cho Hợp đồng tín dụng bằng tài sản là thửa đất số tại địa chỉ phố Minh Khai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội với số tiền tối đa 3.284.627.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn xuất trình các quyết định điều chỉnh lãi suất từng thời kỳ và bảng kê tính lãi từ khi bị đơn vay tiền cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn đã điều chỉnh lãi suất theo đúng Hợp đồng tín dụng. Số tiền sau khi miễn giảm lãi phạt là 24.716.311.044 đồng, số tiền này cao hơn so với số tiền Tòa án sơ thẩm đã tuyên trong Bản án sơ thẩm là 24.702.481.323 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ngọc N vừa là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tuấn L... trình bày: bà N... giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung như đã trình bày trong đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà. Năm 2013, nguyên đơn có thông báo cho gia đình bà biết việc bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn, nhưng chỉ báo bằng giấy mà không mời gia đình lên làm việc về vấn đề này, dẫn đến việc tiền lãi phát sinh như hiện nay, thiệt hại rất lớn đến gia đình bà, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức H... trình bày: anh H... giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung như đã trình bày trong đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của anh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp thêm cho Hội đồng xét xử phúc thẩm các quyết định điều chỉnh lãi suất kể từ khi ký kết hợp đồng tín dụng cho đến nay, theo các quyết định này thì lãi suất còn cao hơn so với đề nghị tại cấp sơ thẩm. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án liên quan đến tổng dư nợ của bị đơn tính đến ngày 22/10/2021 là 24.716.311.044 đồng. Hội đồng xét xử đã giải thích cho nguyên đơn biết là nguyên đơn không có kháng cáo nên đề nghị này của nguyên đơn sẽ không được xem xét. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H... và bà N... và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: bị đơn giữ nguyên trình bày tại cấp sơ thẩm, việc bị đơn làm ăn thua lỗ do chính sách của nhà nước cụ thể là Luật

khoảng sản sửa đổi, bổ sung dẫn đến việc bị đơn gặp tình huống bất khả kháng, đề nghị nguyên đơn cho bị đơn được trả dần nợ và miễn giảm lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có xuất trình bảng tính lãi với số tiền cao hơn số tiền Bản án đã tuyên, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về vấn đề này, nhưng nguyên đơn không có kháng cáo, nên yêu cầu này của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của anh H... và bà N... không có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: nguyên đơn và bị đơn là hai pháp nhân được thành lập hợp pháp. Tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại quận Ba Đình, TP Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc N..., anh Nguyễn Đức H... kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo là hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo của bà N..., anh H... Hội đồng xét xử thấy:

Nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng tín dụng M11011010 ngày 16/6/2011 và các khế ước nhận nợ được ký tự nguyện, hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và mục đích vay để thanh toán tiền mua quãng MaN...n theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/2012/HĐKT KS-MN ngày

03/02/2012. Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn tổng số tiền là 9.300.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng hạn mức tín dụng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 1.993.644.940 đồng, trong đó nợ gốc 1.479.373.000 đồng, nợ lãi trong hạn 506.922.223 đồng, nợ lãi quá hạn 7.349.747 đồng. Bị đơn không trả lãi đầy đủ từ ngày 25/7/2012. Vì vậy, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ nợ của bị đơn sang nợ quá hạn theo quy định. Từ thời điểm 25/7/2012 đến nay bị đơn không trả bất cứ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/10/2021 là 24.702.481.323 đồng, cụ thể nợ gốc 7.820.627.000 đồng, lãi trong hạn 278.180.555 đồng, lãi quá hạn 16.603.673.768 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 25/7/2012 nên theo Điều 4.1 Hợp đồng nên bị đơn bị chuyển sang nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với toàn bộ dư nợ gốc.

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 22/10/2021 là 24.702.481.323 đồng, cụ thể nợ gốc 7.820.627.000 đồng, lãi trong hạn 278.180.555 đồng, lãi quá hạn 16.603.673.768 đồng. Hội đồng xét xử thấy, việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Do đó, Tòa án sơ thẩm giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trên là có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số công chứng 4682.11, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/05/2011 tại Phòng công chứng số 1, TP Hà Nội. Ông Nguyễn Đức Á và bà Đoàn Thị L đã dùng tài sản của mình là toàn bộ quyền sử dụng 50,76 m² đất ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số tại địa chỉ Minh Khai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0.....05, hồ sơ gốc số 2413.QĐ.UB/211.ĐC.98 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 09/6/1999. Căn cứ Điều 2 Hợp đồng thế chấp quy định về nghĩa vụ được bảo đảm, thì bên thế chấp tự nguyện thế chấp các tài sản nói trên thuộc sở hữu và sử dụng của mình cho nguyên đơn để bảo đảm cho việc thực hiện tất cả các nghĩa vụ của bên vay vốn với nguyên đơn trong thời gian 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Giá trị của tài sản thế chấp ghi ở Điều 1 Hợp đồng này, nguyên đơn đồng ý cấp tín dụng (bao gồm tiền vay, bảo lãnh, L/C...) cho bên vay vốn với tổng số tiền cao nhất là 4.244.982.000 đồng với lãi suất theo quy định của nguyên đơn. Việc ký kết hợp đồng của các bên là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Ông A, bà L ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự

nguyên, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số công chứng 3411.11, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/04/2011 tại Phòng công chứng số 1, TP Hà Nội. Anh Nguyễn Tuấn L... đã dùng tài sản của mình là toàn bộ quyền sử dụng 180 m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số tại địa chỉ, xã Vĩnh Ngọc, H...ện Đông Anh, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 88, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 59/1446/QĐUB do UBND Huyện Đông Anh, TP Hà Nội cấp ngày 20/08/2007, đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Tuấn L... tại Văn phòng đăng ký Đất và Nhà Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày 04/09/2009. Căn cứ Điều 2 Hợp đồng thế chấp quy định về nghĩa vụ được bảo đảm, thì anh L... tự nguyện thế chấp tài sản nói trên cho nguyên đơn để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho bị đơn được vay số tiền tối đa là 4.536.000.000 đồng với thời hạn vay và lãi suất tiền vay theo quy định của nguyên đơn trong thời hạn 60 tháng. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đông Anh vào ngày 27/4/2011. Anh L... ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận các Hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng với quy định của pháp luật.

Bà N..., kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết chỉ xác lập số tiền tối đa bên bảo lãnh hợp Hồng tín dụng bằng tài sản bảo đảm là 4.596.000.000 đồng và anh H... kháng cáo với lý do bên bảo lãnh chỉ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo đảm số tiền nợ gốc của bị đơn với nguyên đơn tối đa là 3.284.627.000 đồng vì tại thời điểm bên được bảo lãnh vi phạm Hợp đồng tín dụng không thanh toán cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không thông báo và yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện N...y nghĩa vụ ngay tại thời điểm đó dẫn đến lãi suất tính trên khoản vay tăng rất cao và khoản này phải do bị đơn chịu trách nhiệm trực tiếp với nguyên đơn là không có căn cứ xem xét.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được các đương sự xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm là khi bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn đã thông báo bằng văn bản cho người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ của mình, nhưng người bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà N..., anh H... là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Đức H... phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Ngọc N... sinh năm 1959, có đơn xin miễn tiền án phí, nên bà N... không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo Luật người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 293, 294 và 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ngọc N... và anh Nguyễn Đức H....

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 74/2021/KDTM- ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, TP Hà Nội.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Đức H... người phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 67505 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, TP Hà Nội.

- Bà Nguyễn Ngọc N... được miễn tiền án phí phúc thẩm, trả lại cho bà N... số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 67506 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, TP Hà Nội

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phán **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Tuấn

Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Hoàng Ngọc Thành

